

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 03 tháng 01 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn; Bà Trần Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 629/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 580/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1.

Địa chỉ: Tầng D và 5, Tòa nhà S, số A, đường C, phường Y, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Thành L, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V1.

Người được ủy quyền: Ông Trần Tiến D, Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP V1.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh V, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T, chức vụ: Tổ trưởng tổ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh A (Theo giấy ủy quyền số 3227/2023/GUQ-VAB ngày 23/10/2023).

Địa chỉ: Số A, đường T, tổ D, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976. Vắng mặt

Bà Ngô Thị Bích S, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E, tổ G, ấp V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP V1 trình bày:

Ngày 30/6/2010, Ngân hàng TMCP V1 và ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 399/10/VAB-AG/HĐNH ngày 30/6/2010 để vay số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; phương thức trả gốc và lãi: trả gốc và lãi một lần hoặc nhiều lần trước khi kết thúc thời hạn vay, trả lãi vào ngày 10 tây hàng tháng; mục đích vay đóng sà lan bán; lãi suất vay trong hạn 1,3%/tháng (lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn). Để bảo đảm hợp đồng, ông T1, bà S đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 379/TCTS ngày 30/6/2010, gồm sà lan mang biển số AG 20057 có tải trọng 1.850 tấn theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 20057/ĐK do Sở G cấp ngày 30/6/2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà S chỉ thanh toán cho ngân hàng được số tiền 2.105.893.810 đồng, trong đó trả nợ gốc là 628.000.000 đồng và trả lãi là 1.477.893.810 đồng. Tính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 15/3/2023 ông T1 bà S còn nợ số tiền là 20.977.998.000 đồng, trong đó nợ gốc 4.372.000.000 đồng; lãi trong hạn 0 đồng; lãi phạt chậm trả: 16.605.998.000 đồng.

Đến ngày 11/10/2010, Ngân hàng TMCP V1 và ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S ký kết Hợp đồng tín dụng số 602/10/VAB-AG/HĐTDH ngày 11/10/2010 để vay số tiền 3.000.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; phương thức trả gốc và lãi: trả gốc 06 tháng/lần; lãi trả hàng tháng; mục đích vay thanh toán tiền đóng sà lan; lãi suất vay trong hạn 1,4%/tháng, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm hợp đồng tín dụng, ông T1, bà S ký hợp đồng thế chấp tài sản số 538/TCĐC ngày 11/10/2010, gồm sà lan mang biển số AG 20202 có tải trọng 1.850 tấn theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 20202/ĐK do Sở G cấp ngày 08/10/2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà S chỉ thanh toán cho ngân hàng được số tiền 4.224.061.524 đồng, trong đó trả nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và trả lãi là 1.224.061.524 đồng. Tính từ ngày 10/5/2012 đến ngày 15/3/2023, ông T1, bà S còn nợ số tiền là 3.543.589.769 đồng, trong đó nợ gốc 0 đồng; lãi trong hạn 2.073.814.352 đồng; lãi phạt chậm trả: 1.469.775.417 đồng.

Từ năm 2020 đến nay, ông T1, bà S đã ngừng thanh toán nợ, mặc dù Ngân hàng đã làm việc và nhắc nhở nhiều lần nhưng khách hàng vẫn không thực hiện. Do ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Bích S vi phạm nghĩa vụ theo 02 hợp đồng

tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà S phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc, lãi tính đến hết ngày 03/01/2024 là 25.753.769.772 đồng, trong đó vốn gốc: 4.372.000.000 đồng; lãi trong hạn là 839.890.522 và lãi quá hạn là 20.541.879.250 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 04/01/2024 theo 02 hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Bích S trả xong nợ và các khoản phí cho Ngân hàng TMCP V1. Trường hợp ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Bích S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 379/TCĐS ngày 30/6/2010. Tài sản thế chấp là sà lan mang biển số AG 20057 có trọng tải 1.850 tấn theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 20057/ĐK do Sở G cấp ngày 30/6/2010. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T1, bà S phải có nghĩa vụ thanh toán nợ Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn Nguyễn Văn T1, Ngô Thị Bích S vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Võ Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn Nguyễn Văn T1, Ngô Thị Bích S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1. Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S có nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ gốc chưa thanh toán, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 399/10/VAB-AG/HĐNH ngày 30/6/2010 và Hợp đồng tín dụng số 602/10/VAB-AG/HĐNH ngày 11/10/2010 mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông T1, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 379/TCĐS ngày 30/6/2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Võ Văn T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án. Văn bản ủy quyền phù hợp theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Ngoài ra, bị đơn có nơi cư trú rõ ràng và được chính quyền địa phương xác nhận có đăng ký thường trú tại địa chỉ theo nguyên đơn cung cấp. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 30/6/2010 và ngày 11/10/2010, giữa Ngân hàng TMCP V1 và ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S có ký 02 Hợp đồng tín dụng số 399/10/VAB-AG/HĐNH để vay số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 30/6/2010 đến 30/6/2011 và Hợp đồng tín dụng số 602/10/VAB-AG/HĐNH vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 11/10/2010 đến ngày 11/10/2015, đồng thời ký Hợp đồng thế chấp tài sản gồm sà lan để đảm bảo nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà S trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi được 6.329.955.334 đồng, trong đó trả nợ gốc là 3.628.000.000 đồng, trả lãi được 2.701.955.334 đồng thì ngưng cho đến nay, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 03/01/2024 là 25.753.769.772 đồng, trong đó nợ gốc là 4.372.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 839.890.522 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.541.879.250 đồng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu được tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày 03/01/2024 của 02 Hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn tất toán xong và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Bị đơn Nguyễn Văn T1, Ngô Thị Bích S không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn Nguyễn Văn T1, Ngô Thị Bích S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 03/01/2024 là 25.753.769.772 đồng, trong đó nợ gốc là 4.372.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 839.890.522 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.541.879.250 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 03/01/2024, ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại 02 Hợp đồng tín dụng số 399/10/VAB-AG/HĐNH ngày 30/6/2010 và Hợp đồng số 602/10/VAB-AG/HĐNH ngày 11/10/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 379/TCDS ngày 30/6/2010. Tài sản thế chấp là sà lan mang biển số AG 20057 có trọng tải 1.850 tấn theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 20057/ĐK do Sở

G cấp ngày 30/6/2010.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Bích S vẫn tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V1 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Nguyễn Văn T1, Ngô Thị Bích S phải có nghĩa vụ liên đới nộp 133.753.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 số tiền 66.260.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002505 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh A được đại diện nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn T1, Ngô Thị Bích S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 5.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh A được đại diện nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam